TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - TUYÊN QUANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 68/2026/QĐST-HNGĐ	*Tuyên Quang, ngày 23 tháng 4 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 72/2026/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2026 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con, giữa:

- Nguyên đơn: Anh Trần Đức T; sinh năm 1985; nơi cư trú: Thôn D, xã B, tỉnh Tuyên Quang; Căn cước số 002085002630, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ C cấp ngày 13/6/2025.

- Bị đơn: Chị Lê Thị Tuyết N; sinh năm 1981; nơi cư trú: Thôn D, xã B, tỉnh Tuyên Quang; Căn cước công dân số 008181001578, do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ C cấp ngày 03/4/2021.

Căn cứ vào các khoản 3, 4 Điều 147, các khoản 1, 2 Điều 212, khoản 1 Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 55, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 6, khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5; điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15/4/2026;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15/4/2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của Luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Đức T và chị Lê Thị Tuyết N.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Đức T và chị Lê Thị Tuyết N tự nguyện thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao các con chung là Trần Hoài N1, sinh ngày 02/3/2009, Trần Đình B, sinh ngày 23/7/2015, cho chị Lê Thị Tuyết N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Trần Đức T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Trần Hoài N1 mỗi tháng là 2.000.000đ (hai triệu đồng) và cấp dưỡng nuôi con Trần Đình B mỗi tháng là 2.000.000đ (hai triệu đồng). Tổng số tiền hàng tháng mà anh Trần Đức T phải cấp dưỡng nuôi các con Trần Hoài N1, Trần Đình B là 4.000.000đ (bốn triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng được tính từ tháng 5/2026 cho đến khi các con Trần Hoài N1, Trần Đình B đủ 18 tuổi; phương thức cấp dưỡng là định kỳ vào ngày 25 hàng tháng, anh Trần Đức T có nghĩa vụ nộp tiền cấp dưỡng nuôi các con cho chị Lê Thị Tuyết N theo tháng tại thôn D, xã B, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi ly hôn anh Trần Đức T có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con mà không ai được cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

"Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án bên phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi theo quy định của Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án".

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Trần Đức T tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 150.000^{đ} (một trăm năm mươi nghìn đồng) và án phí về cấp dưỡng nuôi con là 150.000^{đ} (một trăm năm mươi nghìn đồng) nộp Ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000^{đ} (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000560 ngày 23 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. Ngoài ra, người có quyền lợi có liên quan trong quá trình thi hành án có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 7b Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 5 - Tuyên Quang;
- Phòng THA dân sự khu vực 5 - Tuyên Quang
- UBND phường An Tường, tỉnh Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT, AV.

THẨM PHÁN

Hà Mạnh Cường